

CÔNG TY CP CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG MIỀN BẮC



HỒ SƠ NĂNG LỰC

CAPABILITY DOCUMENT

- THƯ GIỚI THIỆU
- HỆ THỐNG QUẢN LÝ
- SẢN PHẨM NHỮ TƯƠNG, NHỰA ĐƯỜNG
- TCVN 8817-1-2011 – NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT
- KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Hà Nội, 2016

Km15 + 100, Lai Xá, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội
ĐT: 0122 577 5882 - Email: vattuthietbigiaothongmienbac@gmail.com
Website: www.vattuthietbigiaothong.com / www.transmatco.com



CÔNG TY CP CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ GIAO THÔNG MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2016

Kính gửi : QUÝ CÔNG TY

Trước hết, Công ty CP Cung ứng Vật tư Thiết bị giao thông Miền Bắc (TRANSMATCO) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý Công ty tới các sản phẩm nhựa đường, nhũ tương nhựa đường trong thời gian qua.

TRANSMATCO là đối tác phân phối nhựa đường, nhũ tương nhựa đường của các nhà nhập khẩu hàng đầu Việt Nam như Petrolimex, COLAS,... Bên cạnh đó, Transmatco cũng là nhà thầu xây dựng hạ tầng giao thông, sử dụng các sản phẩm là thành tựu của quá trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các vật liệu xây dựng giao thông và các giải pháp công nghệ, kỹ thuật hàng đầu thế giới như nhựa đường Polymer, nhũ tương nhựa đường, nhũ tương Polymer, bê tông nhựa nguội, các công nghệ xử lý nền và mặt đường, tạo nhám mặt đường, tái tạo mặt đường, chống thấm ...

TRANSMATCO cung ứng nhựa đường đặc nóng 60/70 phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 7493:2005, cung ứng nhựa đường Polymer phù hợp với tiêu chuẩn ngành 22TCN 319-04 và nhũ tương nhựa đường phù hợp với TCVN 8817-1-2011. **Từ ngày 01/03/2016 TRANSMATCO là đối tác cung ứng chính thức sản phẩm nhũ tương nhựa đường do Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường ADCo (thuộc Tập đoàn Colas) sản xuất.**

TRANSMATCO cung ứng sản phẩm cho khách hàng trên toàn quốc một cách nhanh chóng, thuận lợi nhất nhờ hệ thống kho chứa trải dài từ bắc đến nam: Kho Thượng Lý (Hải Phòng); kho Cửa Lò (Nghệ An); kho Chân Mây (Huế); kho Thọ Quang (Đà Nẵng); kho Quy Nhơn (Bình Định); kho Cam Ranh (Khánh Hòa); kho Gò Dầu (Đồng Nai); kho Nhà Bè (HCM); kho Trà Nóc (Cần Thơ). Sự phục vụ nhanh chóng, kịp thời của Transmatco trong quá trình thi công là một trong những nguyên nhân hàng đầu giúp Công ty có được sự tin nhiệm của quý khách hàng trong suốt chiều dài hoạt động.

Chất lượng sản phẩm cao, ổn định của các sản phẩm Công ty Transmatco cung ứng cho các dự án, công trình luôn được các chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và các nhà thầu trong và ngoài nước đánh giá cao.

TRANSMATCO – TRẢI NIỆM TIN TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG

Ngoài ra, trong quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ của mình Transmatco luôn chủ động phối hợp với các chuyên gia kỹ thuật hàng đầu trong và ngoài nước để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho việc ứng dụng, thi công, giám sát, quản lý chất lượng các sản phẩm và công trình giao thông.

Sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao của Transmatco đã góp phần giảm thời gian, chi phí thi công, tăng độ bền công trình, sử dụng thuận tiện, hiệu quả kinh tế cũng như bảo vệ môi trường và hơn nữa là tạo ra sự yên tâm và niềm tin của các đối tác kinh doanh khi sử dụng các sản phẩm.

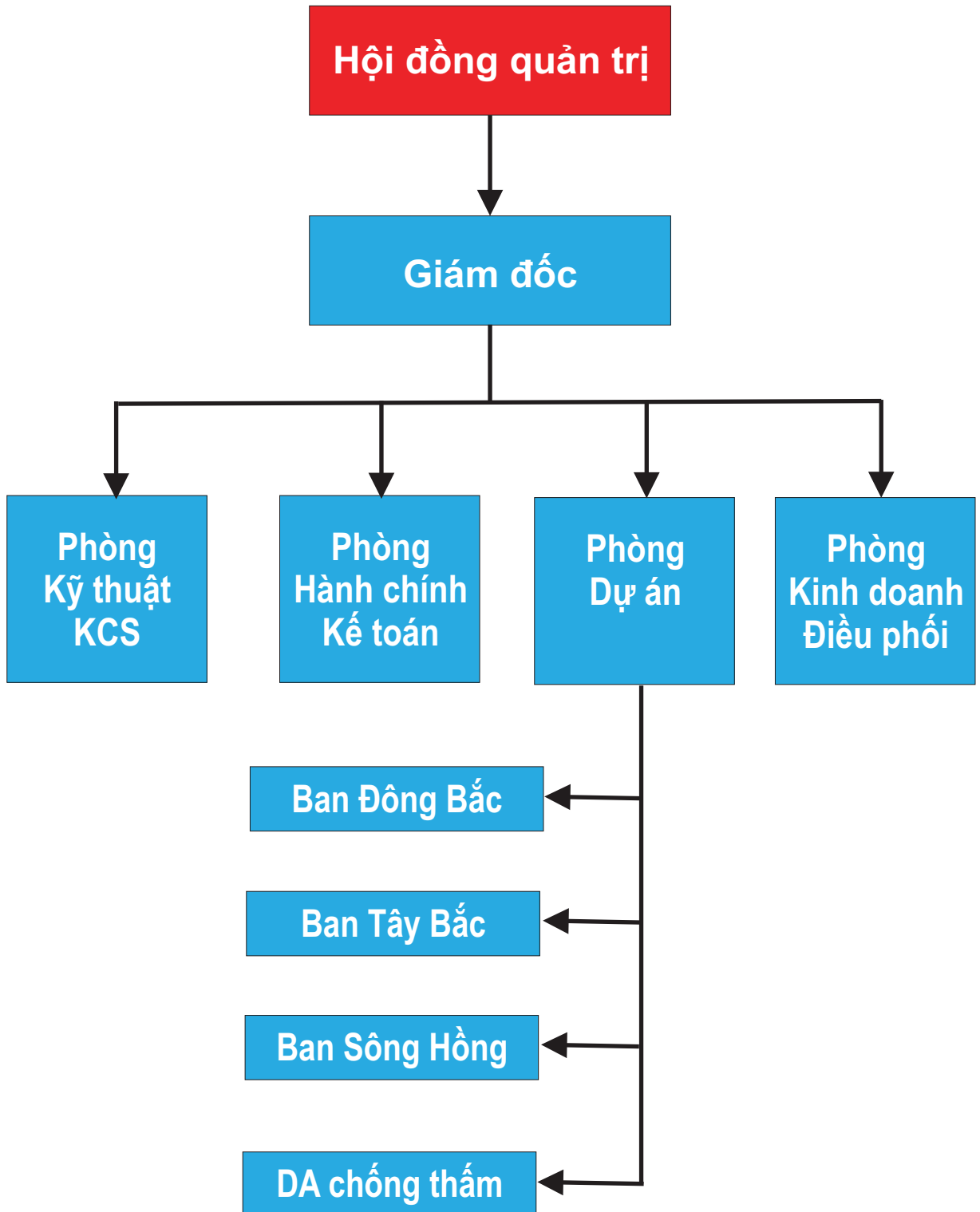
TRANSMATCO luôn phấn đấu để phục vụ quý khách hàng tốt hơn nữa và hy vọng vào cơ hội hợp tác tốt đẹp trong việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng tại Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn.

**CÔNG TY CP CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ
GIAO THÔNG MIỀN BẮC**



TRANSMATCO – TRẢI NIỀM TIN TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG





HỆ THỐNG QUẢN LÝ

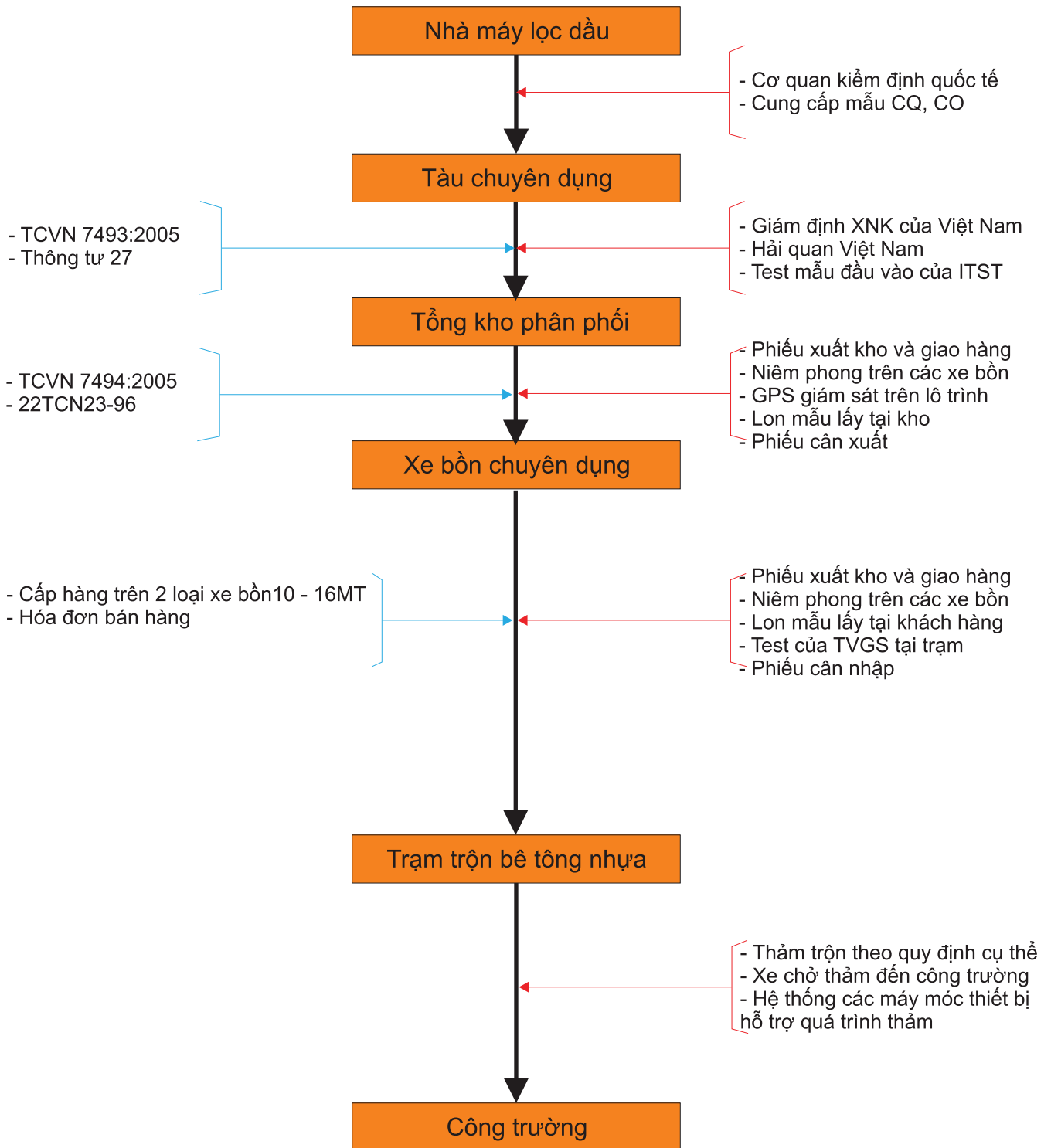
MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI

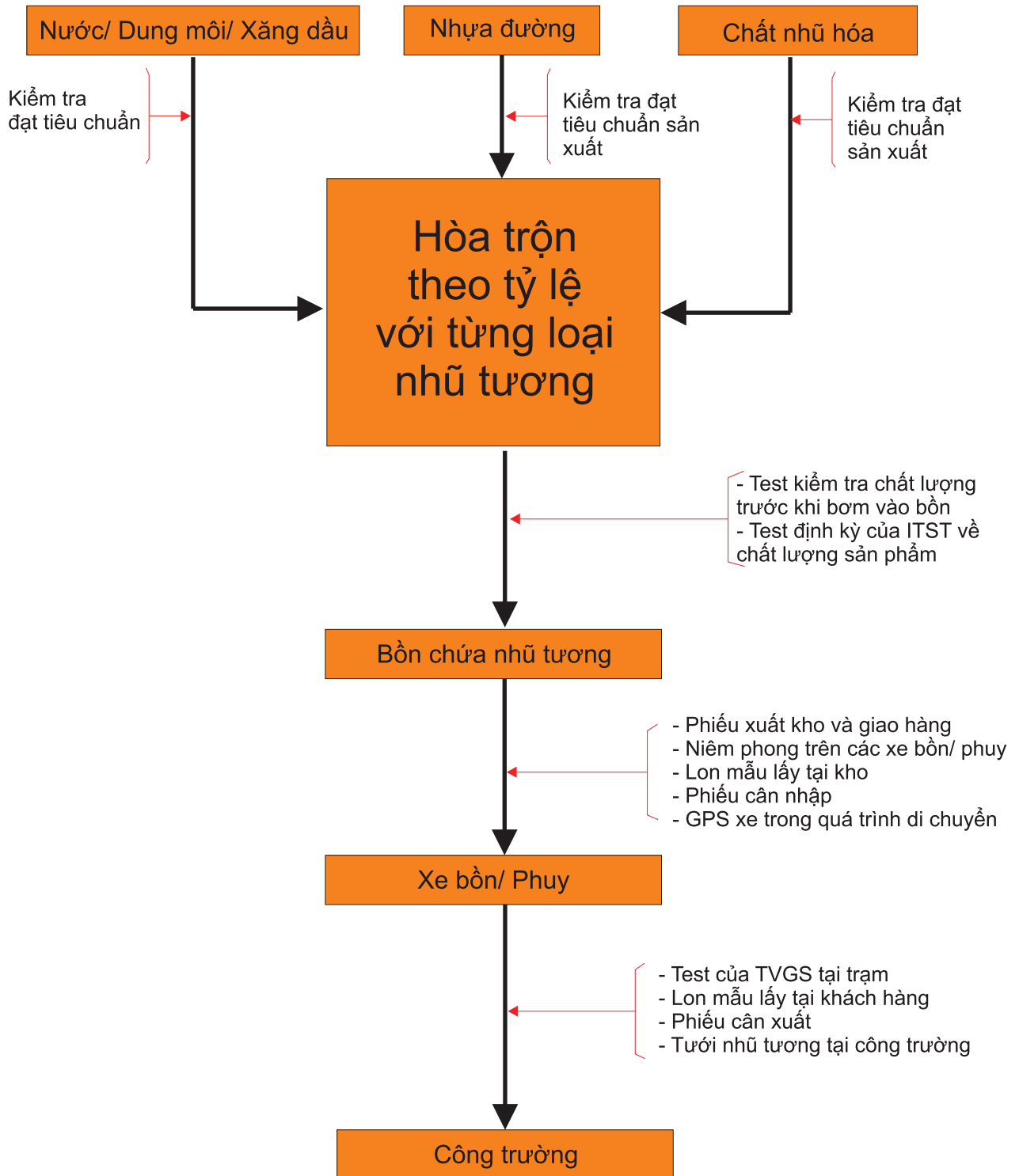




HỆ THỐNG QUẢN LÝ

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NHỰA ĐƯỜNG NHẬP KHẨU

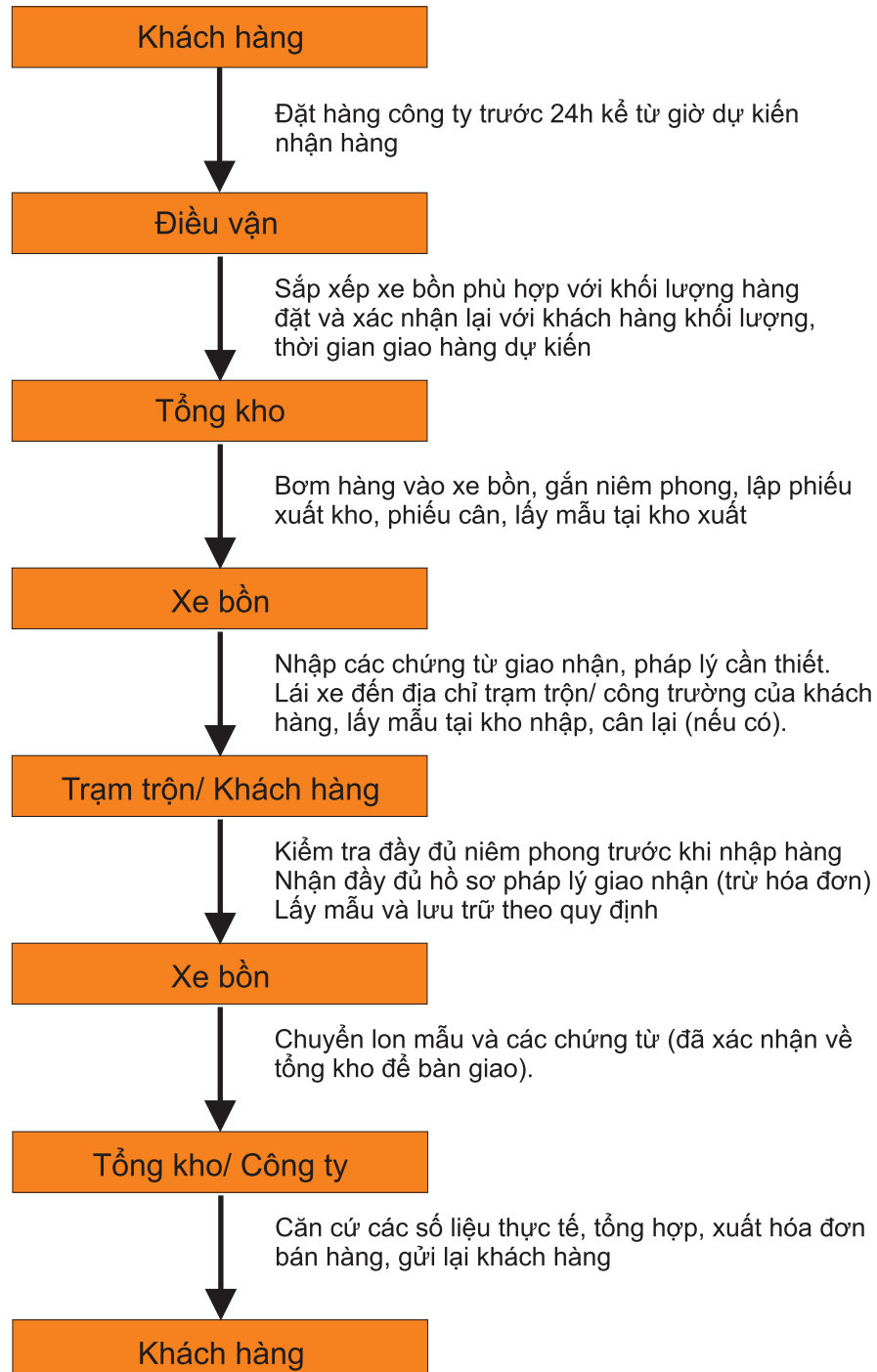






HỆ THỐNG QUẢN LÝ

GIAO NHẬN HÀNG HÓA TẠI KHÁCH HÀNG





Việt Nam

CHUYÊN GIA NHỮ TƯƠNG

Sản xuất



Kiểm tra chất lượng



Tươi nhũ tương



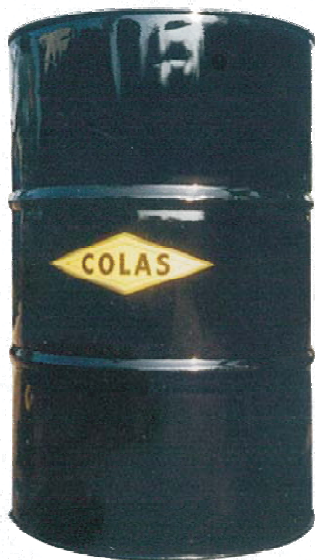
Chuyên môn



Giao hàng tận công trường



An toàn bảo vệ môi trường



**CHI NHÁNH
CỦA TẬP ĐOÀN COLAS**



KHÔNG CÒN ĐƯỜNG GÒ GHỀ DẦN XÓC

Cuộc đời là con đường dài, quanh co khúc khuỷnh. Mặc dù đường đời lắm khi gập ghềnh nhưng đường đi thì bao giờ cũng êm thuận.

Con đường là tượng trưng cho sự tự do và giao lưu. Nó kết nối con người với con người, nó là nguồn phát triển kinh tế và văn hóa, thật vậy, một con đường hoàn chỉnh phản ánh chất lượng cuộc sống.

Con đường là huyết mạch cho sự phát triển đất nước vì nó là phương tiện vận chuyển đưa các sản phẩm từ nguồn cung cấp đến người tiêu dùng.

1929



COLd ASphalt

87 years of emulsion experience



CHUYÊN GIA VỀ NHỮ TƯƠNG 87 năm kinh nghiệm về nhũ tương

COLAS được thành lập từ năm 1929, lúc đó công ty đăng ký với tên là COLd ASphalt là nhũ tương nhựa đường lần đầu tiên thích hợp trong thi công đường.

Tám mươi bảy năm qua, COLAS đã xây dựng các công trình trên 50 quốc gia, do đó càng nắm vững thêm công thức và các ứng dụng nhũ tương cho mỗi loại khí hậu và môi trường.

Hiện nay, sản lượng mỗi năm 1,6 triệu tấn nhũ tương với 159 nhà máy đặt trên thế giới. Tập đoàn COLAS là nhà sản xuất nhũ tương hàng đầu thế giới, COLAS Việt Nam (trước đây là COLAS Công Chánh) là chi nhánh của Tập đoàn COLAS thành lập ở Việt Nam từ năm 1995.

NHÀ SẢN XUẤT NHỮ TƯƠNG SỐ 1 THẾ GIỚI



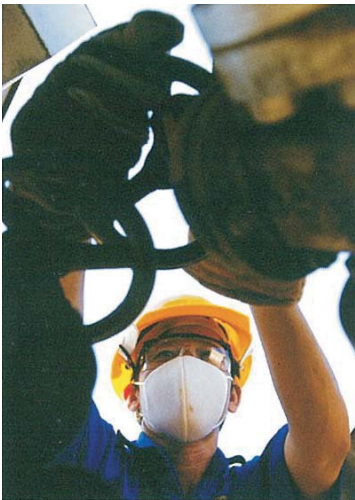
NHÀ CUNG CẤP NHỮ TƯƠNG “NHỰA ĐƯỜNG”



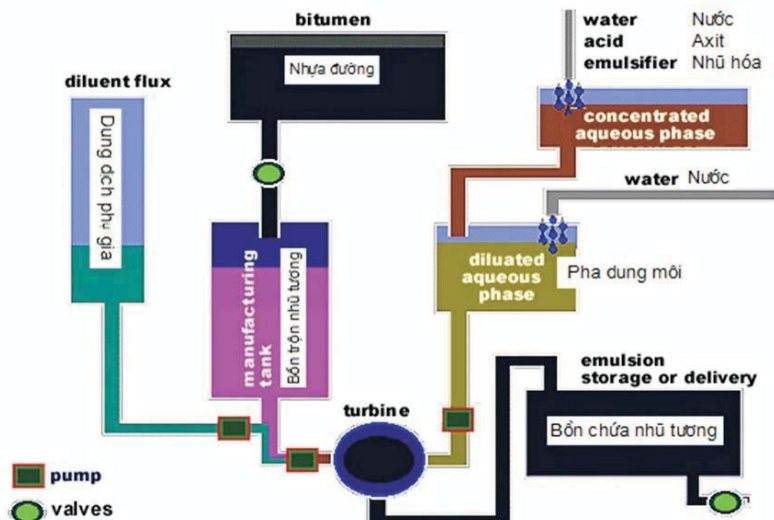
COLAS Việt Nam sản xuất các loại nhũ tương nhựa đường, giao đến các công trường và đưa các sản phẩm ấy vào thi công các công trình đường bộ.

Nhũ tương “nhựa đường” là gì?

Nhũ tương có thể định nghĩa là sự phân tán các hạt nhỏ của một loại chất lỏng trong một chất lỏng khác. Nhựa bitum thuộc loại nhũ tương dầu trong nước vì pha nhựa bitum được phân tán trong pha nước. Tùy thuộc vào sự ổn định của nhũ tương khi tiếp xúc với đá hoặc mặt đường, nhũ tương axit chia thành 3 nhóm: nhũ tương đông cứng nhanh, chậm và trung bình. Nhũ tương đông cứng nhanh thì phân tách nhanh khi tiếp xúc với đá hoặc mặt đường để lại nhựa bitum mỏng. Nhũ tương đông cứng chậm khi trộn với đá thì phân tách rất chậm. Do đó, có thể trộn hoặc thực hiện các thao tác khác.



Theoretical emulsion manufacturing diagram



Sơ đồ công nghệ sản xuất nhũ tương nhựa đường

Phạm vi ứng dụng

- * Duy tu, sửa chữa
- * Vữa nhựa
- * Láng nhựa
- * Bê tông nhựa nguội cấp phối liên tục
- * Bê tông nhựa nguội trộn sẵn
- * Lớp dính và lớp bảo dưỡng
- * Tái tạo lại mặt đường cũ



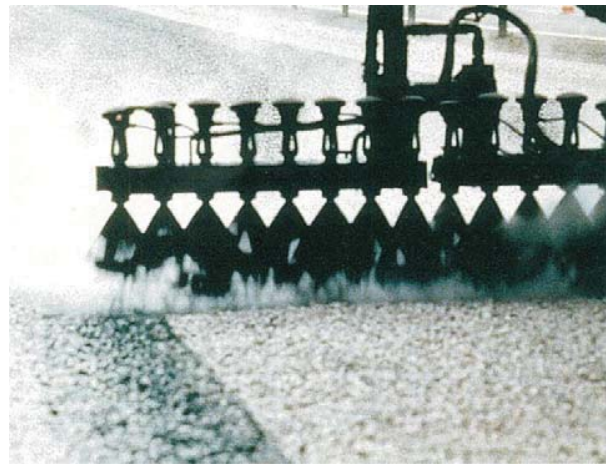


DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG



Tư vấn kỹ thuật

COLAS Việt Nam cố gắng vun đắp một mối quan hệ lâu dài với khách hàng bằng cách yểm trợ về mặt chuyên môn và tư vấn kỹ thuật.



Giao hàng tận công trình

Sản phẩm của COLAS Việt Nam có thể được giao rời (trong xe bồn loại 3MT hoặc 6MT) hoặc giao trong phuy 200kg đến tận chân công trình.

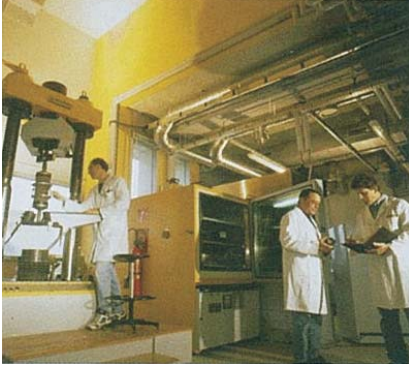


Yểm trợ và tưới

COLAS Việt Nam cung cấp công nhân có tay nghề và thiết bị chuyên dùng để tưới sản phẩm của chúng tôi sản xuất. Điều rất quan trọng để thành công là công nhân được đào tạo đúng mới.



KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

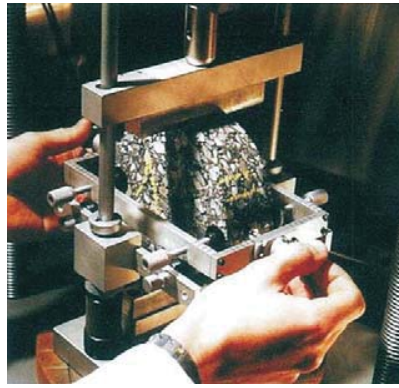


Phòng thí nghiệm của nhà máy

Nhà máy của chúng tôi có thiết bị cần thiết để thực hiện các thí nghiệm cơ bản:

- Kiểm tra nguyên liệu nhập
- Kiểm tra trong quá trình sản xuất
- Kiểm tra sau khi sản phẩm đã qua dây chuyền sản xuất được trang bị các thiết bị định lượng chính xác

Đặc biệt là kiểm tra độ ngậm nước, tiêu chuẩn này ảnh hưởng trực tiếp đến độ nhớt, độ ổn định lưu trữ, tốc độ phân tách và tính năng bao phủ cốt liệu. COLAS Việt Nam là một chi nhánh của Tập đoàn COLAS S.A. và hoàn toàn được yểm trợ về mặt nghiên cứu, phát triển, thiết kế và thử nghiệm các sản phẩm cho đúng với tiêu chuẩn.



Kiểm tra chất lượng

Tất cả các sản phẩm của COLAS Việt Nam đều được phòng thí nghiệm của chúng tôi kiểm tra. Phòng thí nghiệm của COLAS Việt Nam được Tập đoàn COLAS S.A. trang bị đầy đủ để đảm bảo chất lượng được ổn định.

Kỹ thuật viên của chúng tôi được chuyên gia của tập đoàn COLAS thường xuyên huấn luyện để nâng cao trình độ.



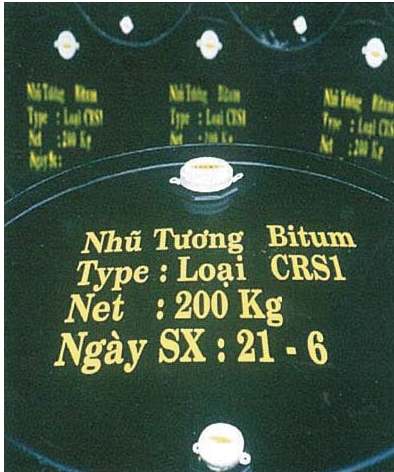
Tiêu chuẩn

Sản phẩm của COLAS Việt Nam thỏa mãn tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.

Theo yêu cầu của khách hàng, chúng tôi có thể điều chỉnh công thức để sản phẩm thỏa mãn tiêu chuẩn BS (tiêu chuẩn Anh Quốc), tiêu chuẩn AFNOR (tiêu chuẩn nước Pháp).



TẠI SAO SỬ DỤNG NHỮ TƯƠNG?



Nhựa bitum dưới các dạng khác nhau được sử dụng làm chất kết dính trong thi công đường bộ, ở nhiệt độ bình thường nhựa bitum ở dạng đặc cứng không thể sử dụng được. Nhựa đường có thể chuyển qua trạng thái sử dụng được bằng 3 cách sau:

- Gia nhiệt
- Trộn với dung môi gốc dầu lửa (như diesel hoặc dầu thấp đèn).
- Làm thành dạng nhũ lơ lửng trong nước dưới dạng nhũ tương nhựa đường.

Cách thứ nhất thường dùng để sản xuất BÊ TÔNG NHỰA NÓNG trong các công trình lớn và trung bình, ở các công trình ấy có trang bị sẵn các thiết bị để xông nóng, tồn trữ và đưa nhựa đường vào sử dụng, tuy nhiên với công trình nhỏ thì việc gia nhiệt ít thích hợp hơn vì các thiết bị không sẵn có.

Cách làm thứ hai để sản xuất nhựa pha dầu (CUT - BACK) thường tốn kém hơn vì dung môi thường khá đắt và nó không giúp ích về đặc tính dính bám. Ngoài ra, chất dung môi làm ô nhiễm môi trường và còn là mầm mống gây cháy.

Cách làm thứ ba là sản xuất nhũ tương nhựa đường. Khi thi công thì không cần đun nấu, nó còn có ưu điểm hơn nhựa nấu cho lỏng ra là có thể thi công với đá ở nhiệt độ bình thường và đá ẩm.



Ưu điểm của nhũ tương

- Được sản xuất và tưới ở nhiệt độ thấp nên tiêu hao ít calo hơn.
- Dễ sử dụng ở nhiệt độ bình thường
- An toàn cho công nhân
- Không ô nhiễm
- Đầu tư thiết bị thấp
- Không cần đến thiết bị tưới và thiết bị tồn trữ tinh vi
- Có thể thi công với mặt đường ẩm và đá ẩm
- Thời gian thi công công trình có thể kéo dài ra vì thi công được trong mùa mưa
- Đạt chất lượng cuối cùng trên nguyên tắc pha nhựa và pha nước phân tách ra chứ không phải do sự bốc hơi của dung môi.
- Không có nguy cơ cháy nổ và không có tính chất độc hại như khi tưới nhựa đường pha dầu.
- Nhũ tương sẵn sàng tại hiện trường để sử dụng. Có thể tồn trữ được nhiều tháng.



HỒ SƠ KỸ THUẬT

Nhũ tương chống thấm gốc dầu

Đặc trưng	Dạng nhũ tương nhựa đường phân tách trung bình vừa đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam và của Quốc tế.	
Phạm vi sử dụng	dùng làm lớp thấm bám, sơn lót bề mặt cần chống thấm,..	
Khuyến cáo thi công	Láng lớp lót:	1,7 - 1,9 lít/m ²
	Lớp dính bám:	0,3 - 0,5 lít/m ²
	Lớp thấm bám:	0,8 - 1,2 lít/m ²
Lưu trữ bảo quản	Khả năng tồn chứa tốt: tối đa 45 ngày trong điều kiện thường và cần được giữ kín trong phòng.	
Đóng gói vận chuyển	Phuy (200 kg) hoặc xe tải bồn chuyên dụng.	
Phương pháp ứng dụng	Thiết bị: Phun tay hoặc xe tưới chuyên dụng Nhiệt độ sử dụng 80 - 100°C	
Chú ý	<ul style="list-style-type: none">- Tránh xa nguồn gây cháy nổ hoặc vật liệu không tương thích.- Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo.- Tránh hít hơi trực tiếp.- Sử dụng ở nơi thoáng gió.- Phải được trộn lắc để đồng nhất lại trước khi sử dụng để tránh vón cục.- Không cắt, khoan, mài thùng chứa cho tới khi làm sạch toàn bộ vật liệu gây bắt lửa bên trong.	

Tiêu chuẩn TCVN 8818-1:2011

Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn	Yêu cầu
Độ nhớt động học ở 60°C	TCVN 7502:2005	70 - 140
Độ nhớt Saybolt Furol ở 60°C	TCVN 8817-2:2011	60 - 120
Điểm chớp cháy	TCVN 8818-2:2011	38
Hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	max 0,2
Thử nghiệm chưng cất tới nhiệt độ 225°C	TCVN 8818-4:2011	Max 20
tới nhiệt độ 260°C		20 - 60
tới nhiệt độ 316°C		65 - 90
Hàm lượng ở 360°C		Min 55
	Sau khi chưng cất	
Độ nhớt tuyệt đối ở 60°C	TCVN 8818-2:2011	30 - 120
Độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005	120 - 150
Độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Min 100
Lượng hòa dung môi	TCVN 7500:2005	99,0



Nhũ tương chống thấm gốc nước khô chậm

Đặc trưng	Nhũ tương nhựa đường phân tách chậm có khả năng thấm nhập tốt và độ nhớt nhỏ để thi công.
Phạm vi sử dụng	Lớp thấm bám trên nền đường, bề mặt bê tông xi măng (có trộn thêm phụ gia) hoặc đất thông thường.
Khuyến cáo thi công	0,6 - 1,2 kg/m ²
Lưu trữ bảo quản	Tối đa 2 tháng
Đóng gói vận chuyển	Phuy (200 kg) hoặc xe tải bồn chuyên dụng.
Phương pháp ứng dụng	Nhiệt độ của nhũ tương 15 - 40°C Nhiệt độ của không khí: 5 - 30°C
Chú ý	Loại nhũ tương nhựa đường này: <ul style="list-style-type: none">- nhạy cảm với việc đóng băng- không được trộn và hòa lẫn với loại nhũ tương khác- không thể hòa thêm nước (rủi ro cao bị phân tách)- phải được trộn đều trước mỗi khi sử dụng (tránh lắng cặn)- không được gia nhiệt trực tiếp (đun bằng củi lửa)

Tiêu chuẩn kỹ thuật - ASTM D2397

Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn	Yêu cầu
Độ nhớt Saybolt ở 25°C	ASTM D7496	20 - 100
Thí nghiệm rây sàng	ASTM D6933	< 0,1
Độ ổn định 24h	ASTM D6930	< 1
Trộn xi măng	ASTM D6935	< 2
Lượng còn lại sau khi nung	ASTM D6997	≥ 57
Độ kim lún sau khi nung	ASTM D5	100 - 250
Độ kéo dài sau khi nung	ASTM D113	40 - 150
Độ lắng cặn sau 5 ngày	ASTM D6930	Max 5
Độ hòa tan dung môi	ASTM D2042	≥ 97,5



Nhũ tương chống thấm gốc nước khô chậm 1h

Đặc trưng	Nhũ tương nhựa đường phân tách chậm có độ nhớt thấp
Phạm vi sử dụng	Lớp dính bám và gia cố nền
Khuyến cáo thi công	Lớp dính bám 0,6 - 0,8 lít/m ² Gia cố nền dựa trên loại vật liệu để gia cố
Lưu trữ bảo quản	Tối đa 2 tháng
Đóng gói vận chuyển	Phuy (200 kg) hoặc xe tải bồn chuyên dụng.
Phương pháp ứng dụng	Nhiệt độ của nhũ tương 20 - 60°C Nhiệt độ của không khí: 10 - 30°C
Chú ý	Loại nhũ tương nhựa đường này: <ul style="list-style-type: none">- nhạy cảm với việc đóng băng- không được trộn và hòa lẫn với loại nhũ tương khác- không thể hòa thêm nước (rủi ro cao bị phân tách)- phải được trộn đều trước mỗi khi sử dụng (tránh lắng cặn)- không được gia nhiệt trực tiếp (đun bằng củi lửa)

Tiêu chuẩn kỹ thuật - ASTM D2397

Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn	Yêu cầu
Độ nhớt Saybolt ở 50°C	ASTM D88	20 - 100
Thí nghiệm rây sàng	ASTM D244	< 0,1
Độ ổn định 24h	ASTM D244	< 1
Độ dính bám chống nước	ASTM D244	< 2
Lượng còn lại sau chưng cất	ASTM D244	≥ 57
Chưng cất dầu	ASTM D244	≤ 12
Kim lún sau chưng cất	ASTM D5	40 - 90
Độ kéo dài sau chưng cất	ASTM D113	≥ 40
Độ hòa tan dung môi	ASTM D2042	≥ 97,5



Nhũ tương chống thấm gốc nước khô nhanh

Đặc trưng	Nhũ tương nhựa đường phân tách nhanh cung cấp khả năng dính kết xuất sắc chủ động và bị động một cách.	
Phạm vi sử dụng	Dùng láng bề mặt, làm lớp sơn phủ ... Có thể trộn với một số phụ gia cát, đá để nâng cao độ cứng trên bề mặt...	
Khuyến cáo thi công	Công nghệ láng phủ Lớp dính bám	1,7 - 1,9 lít/m ² 0,3 - 0,8 lít/m ²
Lưu trữ bảo quản	Tính năng ổn định khi lưu trữ đảm bảo cho tới nhiều tuần trong điều kiện thường trong phòng kín.	
Đóng gói vận chuyển	Phuy (200 kg) hoặc xe tải bồn chuyên dụng.	
Phương pháp ứng dụng	Thiết bị phun tay hoặc xe tưới chuyên dụng Nhiệt độ sử dụng 40 - 70°C Nhiệt độ của không khí: 10 - 30°C	
Chú ý	Loại nhũ tương nhựa đường này: - nhạy cảm với việc đóng băng - không được trộn và hòa lẫn với loại nhũ tương khác - không thể hòa thêm nước (rủi ro cao bị phân tách) - phải được trộn đều trước mỗi khi sử dụng (tránh lắng cặn) - không được gia nhiệt trực tiếp (đun bằng củ lửa)	

Tiêu chuẩn kỹ thuật - ASTM D2397

Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn	Yêu cầu
Độ nhớt Saybolt ở 50°C	ASTM D7496	20 - 100
Thí nghiệm sàng	ASTM D6933	< 0,1
Độ ổn định 24h	ASTM D6930	< 1
Độ khử nhũ	ASTM D6936	> 40
Tỷ lệ chất rắn	ASTM D6997	≥ 60
Chưng cất dầu	ASTM D6997	≤ 3
Độ kim lún sau nung	ASTM D5	100 - 250
Độ kéo dài sau nung	ASTM D113	min 40
Ổn định sau 5 ngày	ASTM D6930	Max 5
Độ hòa tan dung môi	ASTM D2042	≥ 97,5



Nhũ tương chống thấm đàn hồi polymer

Đặc trưng	Nhũ tương nhựa đường gốc axit loại phân tách nhanh này được cải tiến bằng polymer để tạo sức kết dính tối ưu.	
Phạm vi sử dụng	Dùng láng lớp phủ bề mặt tạo độ dính, liên kết các vật liệu ...	
Khuyến cáo thi công	Công nghệ láng phủ mặt đường	1,7 - 1,9 lít/m ²
	Lớp dính bám	0,3 - 0,8 lít/m ²
	Nền đường Macadam	4 - 6 lít/m ²
Lưu trữ bảo quản	Tính năng ổn định khi lưu trữ đảm bảo cho tới nhiều tuần trong điều kiện thường trong phòng kín.	
Đóng gói vận chuyển	Phuy (200 kg) hoặc xe tải bồn chuyên dụng.	
Phương pháp ứng dụng	Xe tưới chuyên dụng Nhiệt độ sử dụng 40 - 70°C Nhiệt độ của không khí: 10 - 30°C	
Chú ý	Loại nhũ tương nhựa đường này: - nhạy cảm với việc đóng băng - không được trộn và hòa lẫn với loại nhũ tương khác - không thể hòa thêm nước (rủi ro cao bị phân tách) - phải được trộn đều trước mỗi khi sử dụng (tránh lắng cặn) - không được gia nhiệt trực tiếp (đun bằng củ lửa)	

Tiêu chuẩn kỹ thuật - ASTM và TCVN

Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn	Yêu cầu
Độ nhớt Saybolt ở 50°C	TCVN 8817-2:2011	20 - 100
Thí nghiệm rây sàng	TCVN 8817-4:2011	< 0,1
Độ ổn định lưu trữ 24h	TCVN 8817-3:2011	< 1
Độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	> 40
Hàm lượng nhựa	TCVN 8817-10:2011	≥ 60
Chưng cất dầu	TCVN 8817-9:2011	≤ 3
Điểm hóa mềm sau chưng cất	TCVN 7497:2005	50
Độ kim lún sau chưng cất	TCVN 7495:2005	60 - 120
Độ đàn hồi sau chưng cất	AASHTO T301-2003	≥ 30
Hàm lượng polymer	AASHTO T302-2003	≥ 2
Độ hòa tan dung môi	TCVN 7500:2005	≥ 97,5



HỒ SƠ KỸ THUẬT

Nhũ tương chống thấm gốc nước khô trung bình

Đặc trưng	Nhũ tương nhựa đường phân tách trung bình theo tiêu chuẩn NFT65-011 và ECM60.
Phạm vi sử dụng	Dùng tưới lớp dính, làm lớp bảo vệ, dặm vá...
Khuyến cáo thi công	Thi công khô cần đun nấu. Thi công dễ dàng với máy tưới thủ công và an toàn cho công nhân.
Lưu trữ bảo quản	Tính năng ổn định khi lưu trữ đảm bảo cho tới nhiều tuần trong điều kiện thường trong phòng kín.
Đóng gói vận chuyển	Phuy (200 kg) hoặc xe tải bồn chuyên dụng.
Phương pháp ứng dụng	Thiết bị phun tay hoặc xe tưới chuyên dụng Nhiệt độ sử dụng 40 - 70°C Nhiệt độ của không khí: 10 - 30°C
Chú ý	Loại nhũ tương nhựa đường này: - nhạy cảm với việc đóng băng - không được trộn và hòa lẫn với loại nhũ tương khác - không thể hòa thêm nước (rủi ro cao bị phân tách) - phải được trộn đều trước mỗi khi sử dụng (tránh lắng cặn) - không được gia nhiệt trực tiếp (đun bằng củ lửa)

Tiêu chuẩn kỹ thuật - ECM 60

Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn	Yêu cầu
Độ ngậm nước (%)	NF T 66-023	39 - 41
Độ nhớt Engler ở nhiệt độ 25°C	NF T 66-020	> 2
Độ nhớt STV ở 25°C (đường kính vòi chảy 4mm)	NF T 66-020	< 18
Mắt rây 0,63mm	NF T 66-016	< 0,1
Mắt rây 0,16mm	NF T 66-016	< 0,25
Ổn định tồn trữ sau 24h	NF T 66-022	< 5
Tốc độ phân tách	NF T 66-017	80 - 140
Độ dính bám		
Nhũ tương tồn trữ ngắn hạn		
- Thí nghiệm phần 1	NF T 66-018	≥ 90
- Thí nghiệm phần 2	NF T 66-018	≥ 75
Nhũ tương tồn trữ lâu	NF T 66-018	≥ 75



**KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM SẢN PHẨM ĐỊNH KỲ
CỦA NHÀ SẢN XUẤT**

TRANSMATCO – TRÁI NIỆM TIN TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG

Số (No): 1010/02 / LAS-XD 345 - T4

Ngày (date) ,10/10/2016

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG

CATIONIC EMULSIFIED ASPHALT TESTING RESULT

A. Các thông tin liên quan / Informations

- Cơ quan yêu cầu / Client : CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG ADCo
- Dự án / Project : Mẫu thử tháng 10/2016
- Nguồn gốc mẫu / Source of material : Mẫu do cơ quan yêu cầu mang tới thí nghiệm
- Loại vật liệu / Type of material : Nhũ tương CRS-1
- Thiết bị / Laboratory equipment : Bộ thiết bị thí nghiệm nhũ tương
- Người thí nghiệm / Tested by : Ks. Trần Văn Thành. Ktv. Nguyễn Thành Thiện, Đặng Gia Hậu
- Ngày nhận mẫu / Received date : 06/10/2016
- Ngày thí nghiệm / Tested date : 06 ÷ 10/10/2016

B. Kết quả thí nghiệm / Test results

STT No	Hạng mục thí nghiệm Test item	Đơn vị Unit	Kết quả TN (Test result)		Yêu cầu KT Specification TCVN 8817-1:2011	P.P thí nghiệm Test method
			Thực tế Result	Trung bình Average		
a. Thí nghiệm trên mẫu nhũ tương / Test on cationic emulsified asphalt						
1	Độ nhớt Saybolt Furol 50°C Viscosity, Saybolt Furol at 50°C	s	29.3 29.7	29.5	20 - 100	TCVN 8817-2:2011
2	Độ ổn định tồn trữ 24h Storage stability 24h	%	0.60	0.60	Max : 1	TCVN 8817-3:2011
3	Thí nghiệm rây sàng Sieve test	%	0.07	0.07	Max : 0.1	TCVN 8817-4:2011
4	Điện tích hạt Test Method for Particle Charge	%	Dương	Dương	Dương	TCVN 8817-5:2011
5	Độ khử nhũ Test Method for Determining Demulsibility	%	70.43	70.43	Min : 40	TCVN 8817-6:2011
6	Hàm lượng dầu chưng cất được Oil distillate, by volume of emulsion	% vol	1.30 1.37	1.34	Max : 3	TCVN 8817-9:2011
7	Lượng còn lại sau chưng cất Residue from distillation	%	64.24 64.22	64.23	Min : 60	TCVN 8817-9:2011
b. Thí nghiệm trên mẫu sau khi chưng cất / Test on residue from distillation						
8	Độ kim lún-100g ở 25°C, 5giây Penetration at 25°C, 100g, 5s	1/10mm	129.5 130.4 129.8	129.9	100-250	TCVN 7495:2005
9	Độ dẫn dài ở 25°C - 5cm/phút Ductility at 25°C-5cm/min	cm	>40 >40	>40	Min : 40	TCVN 7496:2005
10	Hòa tan trong Trichloethylene Solubility in Trichloethylene	%	99.83	99.83	Min : 97.5	TCVN 7500:2005

Kết luận : Kết quả mẫu vật liệu đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 8817-1 :2011

Thí nghiệm
Tested by

P - Trưởng phòng LAS
Vice Chief of Lab

Đặng Gia Hậu

Nguyễn Trần Thảo Nguyên





No: 1010/03 /TNTĐDBIII-T4

Ho Chi Minh City, 10/10/2016

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG
CATIONIC EMULSIFIED ASPHALT TESTING RESULT

I/ Các thông tin liên quan:

- Cơ quan yêu cầu (Client) : CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG ADCo
- Dự án/Project ID: : Mẫu thử tháng 10/2016
- Nguồn gốc mẫu / Source of material : Do cơ quan yêu cầu mang đến
- Loại vật liệu / Type of material : Nhũ tương CRS - 1P.
- Thiết bị / Laboratory equipment : Bộ thiết bị thí nghiệm nhũ tương
- Người thí nghiệm / Tested by : Ks. Trần Văn Thành. Ktv. Nguyễn Thành Thiện, Đặng Gia Hậu
- Ngày nhận mẫu / Received date : 06/10/2016
- Ngày thí nghiệm / Date of testing : 06 ÷ 10/10/2016

Kết quả thí nghiệm (Results):

STT No	Hạng mục thí nghiệm Test Item	Đơn vị Unit	Kết quả TN (Test result)		Yêu cầu Specification TCVN 8816-1:2011	P.P thí nghiệm Test method
			Test No	Average		
Thí nghiệm trên mẫu nhũ tương (Test on cationic emulsified asphalt) :						
1	Độ nhớt Saybolt Furol 50°C Viscosity, Saybolt Furol at 50°C	s	30.2 30.9	30.6	20 - 100	TCVN 8817-2:2011
2	Độ ổn định tồn trữ 24h Storage stability 24h	%	0.84	0.84	Max : 1	TCVN 8817-3:2011
3	Thí nghiệm rây sàng Sieve test	%	0.06	0.06	Max : 0.1	TCVN 8817-4:2011
4	Điện tích hạt Test method for particle charge		Dương	Dương	Dương	TCVN 8817-5:2011
5	Độ khử nhũ Test method for determining demulsibility	%	76.31	76.31	Min : 40	TCVN 8817-6:2011
6	Hàm lượng dầu chưng cất được Oil distillate, by volume of emulsion	% vol	1.18 1.12	1.15	Max : 3	TCVN 8817-9:2011
7	Lượng còn lại sau chưng cất Residue from distillation	%	63.51 63.24	63.38	Min : 60	TCVN 8817-10:2011
Thí nghiệm trên mẫu sau khi chưng cất (Test on residue from distillation) :						
8	Độ kim lún-100g ở 25°C, 5giây Penetration at 25°C-100g,5s	1/10mm	89.2 90.1 89.9	89.7	60-120	TCVN 7495:2005
9	Nhiệt độ hóa mềm Softening Point (Ring and Ball Method)	°C	54.1 54.3	54.2	Min : 50	TCVN 747:2005
10	Hòa tan trong Trichloethylene Solubility in Trichloethylene	%	99.81	99.81	Min : 97.5	TCVN 7500:2005
11	Độ đàn hồi Elastic Recovery at 25oC, 20 cm elongation	%	44.78 44.55	44.7	Min : 30	AASHTO T 301-2003

Kết luận : Kết quả mẫu vật liệu đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 8816-1 :2011

Thí nghiệm
Tested by

P - Trưởng Phòng Las
Vice - Chief of Lab

Đặng Gia Hậu

Nguyễn Trần Thảo Nguyên

Nguyễn Minh Trí

No: 1010/05 /TNTĐDBIII -KT

Ho Chi Minh City, 10/10/2016

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG CATIONIC EMULSIFIED ASPHALT TESTING RESULT

A. Các thông tin liên quan / Informations

- Cơ quan yêu cầu / Client : CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG ADCo
- Dự án / Project : Mẫu thử tháng 07/2016
- Nguồn gốc mẫu / Source of material : Mẫu do cơ quan yêu cầu mang tới thí nghiệm
- Loại vật liệu / Type of material : Nhũ tương CSS-1H .
- Thiết bị / Laboratory equipment : Bộ thiết bị thí nghiệm nhũ tương
- Người thí nghiệm / Tested by : Ks. Trần Văn Thành. Ktv. Nguyễn Thành Thiện, Đặng Gia Hậu
- Ngày nhận mẫu / Received date : 06/10/2016
- Ngày thí nghiệm / Tested date : 06 ÷ 10/10/2016

Kết quả thí nghiệm (Results):

STT No	Hạng mục thí nghiệm Test Item	Đơn vị Unit	Kết quả TN (Test result)		Yêu cầu Specification TCVN 8817-1:2011	P.P thí nghiệm Test method
			Test No	Average		

Thí nghiệm trên mẫu nhũ tương (Test on cationic emulsified asphalt) :

1	Độ nhớt Saybolt Furol 25°C Viscosity, Saybolt Furol at 25°C	s	41.2 41.9	41.6	20 - 100	TCVN 8817-2:2011
2	Độ ổn định tồn trữ 24h Storage stability 24h	%	0.72	0.72	Max : 1	TCVN 8817-3:2011
3	Thí nghiệm rây sàng Sieve test	%	0.05	0.05	Max : 0.1	TCVN 8817-4:2011
4	Điện tích hạt Test method for particle charge		Dương Dương	Dương	Dương	TCVN 8817-5:2011
5	Thử trộn với xi măng Test method for cement mixing	%	0.80 0.78	0.79	Max : 2.0	TCVN 8817-7:2011
6	Lượng còn lại sau chưng cất Residue from distillation	%	63.44 63.50	63.47	Min : 57	TCVN 8817-9:2011

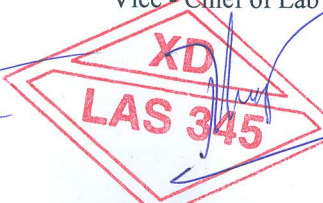
Thí nghiệm trên mẫu sau khi chưng cất (Test on residue from distillation) :

7	Độ kim lún-100g ở 25°C, 5giây Penetration at 25°C-100g,5s	1/10m m	52.3 53.4 52.9	52.9	40 - 90	TCVN 7495:2005
8	Độ dẫn dài ở 25°C - 5cm/phút Ductility at 25°C-5cm/min	cm	>40 >40	>40	Min : 40	TCVN 7496:2005
9	Hòa tan trong Trichloethylene Solubility in Trichloethylene	%	99.66	99.66	Min : 97.5	TCVN 7500:2005

Kết luận : Kết quả mẫu vật liệu đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 8817-1 :2011

Thí nghiệm
Tested by

P - Trưởng Phòng Las
Vice - Chief of Lab

GIÁM ĐỐC




Đặng Gia Hậu

Nguyễn Trần Thảo Nguyên

Minh Trí

No: 1010/04 /TNTĐĐBIII -KT

Ho Chi Minh City, 10/10/2016

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG CATIONIC EMULSIFIED ASPHALT TESTING RESULT

A. Các thông tin liên quan / Informations

- Cơ quan yêu cầu / Client : CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG ADCo
- Dự án / Project : Mẫu thử tháng 10/2016
- Nguồn gốc mẫu / Source of material : Mẫu do cơ quan yêu cầu mang tới thí nghiệm
- Loại vật liệu / Type of material : Nhũ tương CSS-1 .
- Thiết bị / Laboratory equipment : Bộ thiết bị thí nghiệm nhũ tương
- Người thí nghiệm / Tested by : Ks. Trần Văn Thành. Ktv. Nguyễn Thành Thiện, Đặng Gia Hậu
- Ngày nhận mẫu / Received date : 06/10/2016
- Ngày thí nghiệm / Tested date : 06 ÷ 10/10/2016

Kết quả thí nghiệm (Results):

STT No	Hạng mục thí nghiệm Test Item	Đơn vị Unit	Kết quả TN (Test result)		Yêu cầu Specification TCVN 8817-1:2011	P.P thí nghiệm Test method
			Test No	Average		
Thí nghiệm trên mẫu nhũ tương (Test on cationic emulsified asphalt) :						
1	Độ nhớt Saybolt Furol 25 ^o C Viscosity, Saybolt Furol at 25 ^o C	s	35.6 34.8	35.2	20 - 100	TCVN 8817-2:2011
2	Độ ổn định tồn trữ 24h Storage stibility 24h	%	0.78	0.78	Max : 1	TCVN 8817-3:2011
3	Thí nghiệm rây sàng Sieve test	%	0.06	0.06	Max : 0.1	TCVN 8817-4:2011
4	Điện tích hạt Test method for particle charge		Dương Dương	Dương	Dương	TCVN 8817-5:2011
5	Thử trộn với xi măng Test method for cement mixing	%	0.68 0.66	0.67	Max : 2.0	TCVN 8817-7:2011
6	Lượng còn lại sau chưng cất Residue from distillation	%	64.14 64.11	64.12	Min : 57	TCVN 8817-9:2011
Thí nghiệm trên mẫu sau khi chưng cất (Test on residue from distillation) :						
7	Độ kim lún-100g ở 25 ^o C, 5giây Penetration at 25 ^o C-100g,5s	1/10m m	151.2 152 151.4	152	100- 250	TCVN 7495:2005
8	Độ dẫn dài ở 25 ^o C - 5cm/phút Ductility at 25 ^o C-5cm/min	cm	>40 >40	>40	Min : 40	TCVN 7496:2005
9	Hòa tan trong Trichloethylene Solubility in Trichloethylene	%	99.85	99.85	Min : 97.5	TCVN 7500:2005

Kết luận : Kết quả mẫu vật liệu đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 8817-1 :2011

Thí nghiệm
Tested by

P - Trưởng Phòng Las
Vice - Chief of Lab



Đặng Gia Hậu



Nguyễn Trần Thảo Nguyên

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Trí



ISO 9001:2008

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI
INSTITUTE OF TRANSPORT SCIENCE AND TECHNOLOGY
PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ III
ROAD LABORATORY 3

Add: 84 Nguyen Thi Minh Khai St-District 3-Ho Chi Minh City. Tel: 08.38272006; Fax: 08.38244612

Số: 1010/01 /LAS-XD 345 - T4

Tp.HCM, Ngày 10/10/2016

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NHỰA LỎNG
CUT - BACK ASPHALT TESTING RESULT

A/ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN (INFORMATION):

- Cơ quan yêu cầu (Client) : CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG ADCo
- Dự án/Project ID : Mẫu thử tháng 10/2016
- Nguồn gốc mẫu / Source of material: : Do cơ quan yêu cầu mang đến
- Loại vật liệu / Type of material: : Nhựa lỏng MC 70.
- Thiết bị / Laboratory equipment : Bộ thiết bị thí nghiệm nhũ tương
- Ngày nhận mẫu / Received date : 06/10/2016
- Ngày thí nghiệm / Date of testing: : 06 -:- 10/10/2016

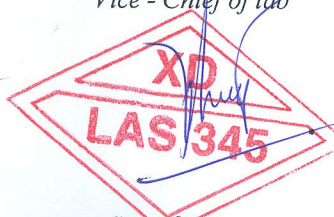
B/ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM (TEST RESULTS):

Stt No	Chỉ tiêu thí nghiệm Test Item	Đơn vị Unit	Kết quả - Results		Yêu cầu Specification TCVN 8818-1:2011	Phương pháp thử Test method
			thí nghiệm Test	trung bình Average		
a/ Thí nghiệm trên mẫu nhựa lỏng						
1	Độ nhớt Saybolt Furol ở 50°C Viscosity Saybolt Furol at 50°C	giây sec	98.2 99.6 99.8	99.2	60-120	TCVN 8817-2:2011
2	Nhiệt độ chớp cháy cốc Flash point (Open cup)	°C	40.1 40.2	40.2	Min: 38	TCVN 8818-2:2011
3	Thí nghiệm hàm lượng nước Content in water	%	0.11	0.11	Max: 0.2	TCVN 8818-3:2011
4	Thí nghiệm chưng cất - Distillation 225°C	% vol	16.69	16.69	Max : 20	TCVN 8818-4:2011
	260°C		56.91	56.91	20 - 60	
	316°C		84.95	84.95	65 - 90	
5	Lượng còn lại sau chưng cất đến 360°C Residue from distillation to 360°C	%	63.74	63.74	Min : 55	TCVN 8818-4:2011
b/ Thí nghiệm trên mẫu sau chưng cất						
6	Độ nhớt tuyệt đối ở 60°C Absolute viscosity at 60°C	Pa.s	40.2	40.2	30 - 120	TCVN 8818-5:2011
7	Độ kéo dài ở 25°C, 5cm/phút Ductility at 25°C, 5cm/min	cm	>100	>100	Min : 100	TCVN 7496:2005
			>100			
8	Hòa tan trong Trichloethylene Solubility in Trichloethylene	%	99.70	99.70	Min : 99	TCVN 7500:2005

Kết luận : Kết quả mẫu vật liệu đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật TCVN 8818 - 1:2011

Thí nghiệm
Tested by

P - Trưởng phòng TN
Vice - Chief of lab



Đặng Gia Hậu

Nguyễn Trần Thảo Nguyên

Nguyễn Minh Trí



ISO 9001 - 2008

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GTVT
INSTITUTE OF TRANSPORT SCIENCE AND TECHNOLOGY
PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ III
ROAD LABORATORY III

Add: 84 Nguyen Thi Minh Khai St - Dis.3 - Ho Chi Minh City, Tel: 08,38247191 Fax: 08,38244612

Số (No): 1010/06 / LAS-XD 345 - T4

Ngày (date) , 10/10/2016

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG
CATIONIC EMULSIFIED ASPHALT TESTING RESULTS

A. Các thông tin liên quan / Informations

- Cơ quan yêu cầu / Client : CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG NHỰA ĐƯỜNG ADCo
- Dự án / Project : Mẫu thử tháng 10/2016
- Nguồn gốc mẫu / Source of material : Mẫu do cơ quan yêu cầu mang tới thí nghiệm
- Loại vật liệu / Type of material : Nhũ tương M60.
- Thiết bị / Laboratory equipment : Bộ thiết bị thí nghiệm nhũ tương
- Người thí nghiệm / Tested by : Ks. Trần Văn Thành. Ktv. Nguyễn Thành Thiện, Đặng Gia Hậu
- Ngày nhận mẫu / Received date : 06/10/2016
- Ngày thí nghiệm / Tested date : 06 ÷ 10/10/2016

B./ Kết quả thí nghiệm:

STT No	Chỉ tiêu thí nghiệm Specification	Đơn vị Unit	Kết quả (Results)		Yêu cầu Specification ASTM D2397 (CQS - 1H)	Phương pháp thí nghiệm Test method
			Thí nghiệm Test	Trung bình Average		
a/ Thí nghiệm trên mẫu nhũ tương chưa chưng cất:						
1	Độ nhớt Saybolt Furol ở 20°C Viscosity, Saybolt Furol at 20° C	s	35.1	35.3	20 ÷ 100	TCVN 8817-2:2011
			35.5			
2	Thí nghiệm rây sàng Sieve test	%	0.05	0.06	Max : 0.1	TCVN 8817-4:2012
			0.06			
3	Lượng còn lại sau chưng cất (Residue from distillation)	%	63.28	63.29	Min : 57	TCVN 8817-9:2013
			63.29			
b/ Thí nghiệm trên mẫu nhũ tương sau chưng cất (Test on residue from distillation):						
4	Độ kim lún Penetration at 25° C-100g, 5s	1/10mm	52.2	52.9	40 ÷ 90	TCVN 7495:2005
			53.4			
			53.1			
5	Độ dẫn dài ở 25°C - 5cm/phút Ductility at 25° C-5cm/min	Cm	>40	>40	Min : 40	TCVN 7497:2005
			>40			
6	Hòa tan trong Trichloethylene Solubility in Trichloethylene	%	98.58	98.58	Min : 97.5	TCVN 7500:2005
			98.59			

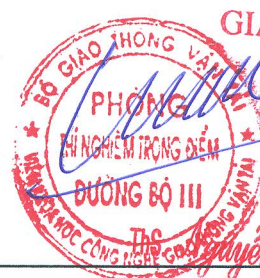
Kết luận : Kết quả mẫu vật liệu đạt yêu cầu theo yêu cầu kỹ thuật ASTM D2397 (CQS - 1H)

Thí nghiệm
Tested by

P - Trưởng phòng LAS
Vice - Chief of Las

Đặng Gia Hậu

Nguyễn Trần Thảo Nguyên



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Trí

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

TRANSMATCO – TRÁI NIỆM TIN TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG